

| STT | ĐỊA CHỈ THÔN | Thửa đất     |                    | Thông tin bổ sung                       |                           |             | thông tin còn thiếu khác |
|-----|--------------|--------------|--------------------|-----------------------------------------|---------------------------|-------------|--------------------------|
|     |              | Số tờ bản đồ | Số thứ tự thửa đất | Thông tin chủ                           | Thông tin giấy chứng nhận | Mã loại đất |                          |
|     |              |              |                    |                                         |                           |             |                          |
| 1   | Thôn Ba Nhà  | 3            | 127                | Hộ Ông Phạm Văn Chơm và Bà Phạm Thị Yếu | BH 983160                 | LUC         |                          |
| 2   | Thôn Ba Nhà  | 9            | 60                 | Bà Phạm Thị Chin và Ông Phạm Văn Oanh   | BS 625695                 | LUC         |                          |
| 3   | Thôn Ba Nhà  | 9            | 32                 | Bà Phạm Thị Chin và Ông Phạm Văn Oanh   | BS 625694                 | LUC         |                          |
| 4   | Thôn Ba Nhà  | 9            | 24                 | Bà Phạm Thị Chin và Ông Phạm Văn Oanh   | BS 625693                 | LUC         |                          |
| 5   | Thôn Ba Nhà  | 9            | 35                 | Bà Phạm Thị Chin và Ông Phạm Văn Oanh   | BS 625694                 | LUC         |                          |
| 6   | Thôn Ba Nhà  | 9            | 61                 | Bà Phạm Thị Chin và Ông Phạm Văn Oanh   | BS 625695                 | LUC         |                          |
| 7   | Thôn Ba Nhà  | 9            | 23                 | Bà Phạm Thị Chin và Ông Phạm Văn Oanh   | BS 625693                 | LUC         |                          |
| 8   | Thôn Nước Lô | 32           | 21                 | Bà Phạm Thị Chã và Ông Phạm Văn Pa Rối  | BH 841070                 | LUC         |                          |

8 THỬA/ 5 GIẤY

Báo lần 3

Báo lần 3-  
chung sổ thừa  
61

Báo lần 3-  
chung sổ thừa  
35

Báo lần 3-  
chung sổ thừa  
23

Báo lần 3-  
chung sổ thừa  
32

Báo lần 3-  
chung sổ thừa  
60

Báo lần 3-  
chung sổ thừa  
24

Báo lần 3

| STT | ĐỊA CHỈ THÔN | Thửa đất     |                    | Thông tin bổ sung                      |                           |             | thông tin còn thiếu khác   |
|-----|--------------|--------------|--------------------|----------------------------------------|---------------------------|-------------|----------------------------|
|     |              | Số tờ bản đồ | Số thứ tự thửa đất | Thông tin chủ                          | Thông tin giấy chứng nhận | Mã loại đất |                            |
|     |              |              |                    |                                        |                           |             |                            |
| 1   | Thôn Gò Khôn | 17           | 274                | Bà Phạm Thị Pheo và Ông Phạm Văn Hun   | BH 793094                 | LUC         | thiếu mã định danh bà Pheo |
| 2   | Thôn Gò Khôn | 17           | 288                | Phạm Văn Thanh                         | BH 793106                 | LUC         |                            |
| 3   | Thôn Gò Khôn | 17           | 250                | Hộ Ông Phạm Văn Máy và Bà Phạm Thị Khế | BH 793073                 | LUC         |                            |
| 4   | Thôn Gò Khôn | 17           | 237                | Bà Phạm Thị Ré và Ông Phạm Văn Hình    | BS 625799                 | LUC         | thiếu mã định danh 2vc     |
| 5   | Thôn Gò Khôn | 17           | 238                | Bà Phạm Thị Ré và Ông Phạm Văn Hình    | BS 625799                 | LUC         | thiếu mã định danh 2vc     |
| 6   | Thôn Gò Khôn | 17           | 84                 | Bà Phạm Thị Khê và Ông Phạm Văn Hôn    | BS 625719                 | LUC         | thiếu mã định danh ông hôn |
| 7   | Thôn Gò Khôn | 17           | 85                 | Bà Phạm Thị Khê và Ông Phạm Văn Hôn    | BS 625719                 | LUC         | thiếu mã định danh ông hôn |
| 8   | Thôn Gò Khôn | 29           | 12                 | Bà Phạm Thị Nĩ và Ông Phạm Văn Tho     | BH 793917                 | LUC         |                            |
| 9   | Thôn Gò Khôn | 35           | 170                | Phạm Văn Ta                            | BH 841245                 | LUC         |                            |
| 10  | Thôn Gò Khôn | 35           | 222                | Hộ Ông Phạm Văn Tổ và Bà Phạm Thị Luân | BH 841278                 | LUC         |                            |
| 11  | Thôn Gò Khôn | 35           | 362                | Bà Phạm Thị Tam và Ông Phạm Văn Ngọt   | BH 841369                 | LUC         |                            |

11 THỬA/ 9 GIẤY





























LẦN 3

Báo lần 3

Báo lần 3

Báo lần 3  
chung 1 sổ

Báo lần 3  
chung 1 sổ

Báo lần 3

Báo lần 3

Báo lần 3

BÁO LẦN 3

| STT | ĐỊA CHỈ THÔN | Thửa            |                          | Thông tin bổ sung                         |                |         |                          |
|-----|--------------|-----------------|--------------------------|-------------------------------------------|----------------|---------|--------------------------|
|     |              |                 |                          | Thông tin chủ                             | Thông tin giấy | Mã loại |                          |
|     |              | Số tờ<br>bản đồ | Số thứ<br>tự thửa<br>đất |                                           |                |         | thông tin còn thiếu khác |
| 1   | Thôn Gò Ghềm | 91              | 1113                     | Hộ Ông Phạm Văn Kế và Bà Phạm Thị Trùng   | AK 115336      | RSX     | thiếu mã định danh 2vc   |
| 2   | Thôn Gò Ghềm | 90              | 193                      | Hộ Ông Phạm Văn Dê và Bà Phạm Thị Lác     | AO 912428      | RSX     |                          |
| 3   | Thôn Gò Ghềm | 91              | 1050                     | Hộ Ông Phạm Văn Dê và Bà Phạm Thị Lác     | AO 912430      | RSX     |                          |
| 4   | Thôn Gò Ghềm | 90              | 287                      | Hộ Ông Phạm Văn Bới và Bà Phạm Thị Nga    | AK 165834      | RSX     |                          |
| 5   | Thôn Gò Ghềm | 91              | 827                      | Hộ Ông Phạm Văn Hanh và Bà Phạm Thị Tân   | AK 115170      | RSX     | thiếu mã định danh 2vc   |
| 6   | Thôn Gò Ghềm | 91              | 1144                     | Hộ Ông Phạm Văn Hót và Bà Phạm Thị Bình   | AK 115173      | RSX     | thiếu mã định danh 2vc   |
| 7   | Thôn Gò Ghềm | 90              | 282                      | Hộ Ông Phạm Văn Hanh và Bà Phạm Thị Tân   | AK 115169      | RSX     | thiếu mã định danh 2vc   |
| 8   | Thôn Gò Ghềm | 91              | 891                      | Hộ Ông Phạm Văn Gụ và Bà Phạm Thị Hơ      | AK 115136      | RSX     | thiếu mã định danh 2vc   |
| 9   | Thôn Gò Ghềm | 90              | 43                       | Hộ Ông Phạm Văn Gụ và Bà Phạm Thị Hơ      | AK 115135      | RSX     | thiếu mã định danh 2vc   |
| 10  | Thôn Gò Ghềm | 90              | 104                      | Hộ Ông Phạm Văn Khiên và Bà Phạm Thị Chỏi | AO 981918      | RSX     | thiếu mã định danh 2vc   |
| 11  | Thôn Gò Ghềm | 90              | 169                      | Hộ Ông Phạm Văn Hen và Bà Phạm Thị Nhanh  | AK 115175      | RSX     | thiếu mã định danh 2vc   |
| 12  | Thôn Gò Ghềm | 90              | 24                       | Hộ Ông Phạm Văn Minh và Bà Phạm Thị Tiên  | AO 912481      | RSX     |                          |
| 13  | Thôn Gò Ghềm | 90              | 40                       | Hộ Ông Phạm Văn Bới và Bà Phạm Thị Nga    | AK 165829      | RSX     |                          |
| 14  | Thôn Gò Ghềm | 90              | 153                      | Hộ Ông Phạm Văn Bới và Bà Phạm Thị Nga    | AK 165831      | RSX     |                          |
| 15  | Thôn Gò Ghềm | 90              | 231                      | Hộ Ông Phạm Văn Hen và Bà Phạm Thị Nhanh  | AK 115177      | RSX     | thiếu mã định danh 2vc   |
| 16  | Thôn Gò Ghềm | 91              | 500                      | Hộ Ông Phạm Văn Bu và Bà Phạm Thị Khiên   | AK 165846      | RSX     |                          |
| 17  | Thôn Gò Ghềm | 90              | 236                      | Hộ Ông Phạm Văn Bới và Bà Phạm Thị Nga    | AK 165832      | RSX     |                          |
| 18  | Thôn Gò Ghềm | 90              | 293                      | Hộ Ông Phạm Văn Bới và Bà Phạm Thị Nga    | AK 165835      | RSX     |                          |
| 19  | Thôn Gò Ghềm | 91              | 1076                     | Hộ Ông Phạm Văn Bu và Bà Phạm Thị Khiên   | AK 165850      | RSX     | thiếu mã định danh 2vc   |
| 20  | Thôn Gò Ghềm | 90              | 118                      | Hộ Ông Phạm Văn Khiên và Bà Phạm Thị Chỏi | AO 981919      | RSX     |                          |
| 21  | Thôn Gò Ghềm | 90              | 260                      | Hộ Ông Phạm Văn Huynh và Bà Phạm Thị Dí   | AK 115274      | RSX     | thiếu mã định danh 2vc   |
| 22  | Thôn Gò Ghềm | 90              | 152                      | Hộ Ông Phạm Văn Huynh và Bà Phạm Thị Dí   | AK 115273      | RSX     | thiếu mã định danh 2vc   |
| 23  | Thôn Gò Ghềm | 91              | 498                      | Hộ Ông Phạm Văn Bóp và Bà Phạm Thị Rước   | AK 165837      | RSX     | thiếu mã định danh 2vc   |
| 24  | Thôn Gò Ghềm | 91              | 1117                     | Hộ Ông Phạm Văn Huynh và Bà Phạm Thị Dí   | AK 115277      | RSX     | thiếu mã định danh 2vc   |
| 25  | Thôn Gò Ghềm | 91              | 526                      | Hộ Ông Phạm Văn Huynh và Bà Phạm Thị Dí   | AK 115276      | RSX     | thiếu mã định danh 2vc   |
| 26  | Thôn Gò Ghềm | 90              | 266                      | Hộ Ông Phạm Văn Huynh và Bà Phạm Thị Dí   | AK 115275      | RSX     | thiếu mã định danh 2vc   |
| 27  | Thôn Gò Ghềm | 91              | 1125                     | Hộ Ông Phạm Văn Dê và Bà Phạm Thị Lác     | AO 912433      | RSX     |                          |
| 28  | Thôn Gò Ghềm | 91              | 1088                     | Hộ Ông Phạm Văn Khiên và Bà Phạm Thị Chỏi | AO 981920      | RSX     |                          |
| 29  | Thôn Gò Ghềm | 91              | 1152                     | Hộ Ông Phạm Văn Dê và Bà Phạm Thị Lác     | AO 912434      | RSX     |                          |
| 30  | Thôn Gò Ghềm | 91              | 1004                     | Hộ Ông Phạm Văn Hộp và Bà Phạm Thị Đóc    | AK 115188      | RSX     |                          |

|    |              |    |      |                                           |           |     |                              |
|----|--------------|----|------|-------------------------------------------|-----------|-----|------------------------------|
| 31 | Thôn Gò Ghềm | 90 | 94   | Hộ Ông Phạm Văn Tháy và Bà Phạm Thị Lệ    | AK 310531 | RSX | thiếu mã định danh 2vc       |
| 32 | Thôn Gò Ghềm | 91 | 1058 | Hộ Ông Phạm Văn Bu và Bà Phạm Thị Khiên   | AK 165849 | RSX |                              |
| 33 | Thôn Gò Ghềm | 91 | 987  | Hộ Ông Phạm Văn Hộp và Bà Phạm Thị Đóc    | AK 115187 | RSX | thiếu mã định danh 2vc       |
| 34 | Thôn Gò Ghềm | 91 | 1006 | Hộ Ông Phạm Văn Giong và Bà Phạm Thị Nuôi | AK 115133 | RSX | thiếu mã định danh ông giong |
| 35 | Thôn Gò Ghềm | 90 | 244  | Hộ Ông Phạm Văn Hanh và Bà Phạm Thị Tân   | AK 115168 | RSX | thiếu mã định danh 2vc       |
| 36 | Thôn Gò Ghềm | 90 | 235  | Hộ Ông Phạm Văn Hanh và Bà Phạm Thị Tân   | AK 115167 | RSX | thiếu mã định danh 2vc       |

36 THỬA/ 36 GIẤY

BÁO LẦN 3

Báo lần 3

Báo lần 3

BÁO LẦN 3

BÁO LẦN 3

Báo lần 3

BÁO LẦN 3

BÁO LẦN 3

Báo lần 3

Báo lần 3

BÁO LẦN 3

Báo lần 2

BÁO LẦN 3

BÁO LẦN 3

BÁO LẦN 3

BÁO LẦN 3

BÁO LẦN 3

BÁO LẦN 3

BÁO LẦN 3

báo lần 3

BÁO LẦN 3

BÁO LẦN 3

Báo lần 3

BÁO LẦN 3

BÁO LẦN 3

BÁO LẦN 3

Báo lần 3

Báo lần 3

Báo lần 3

BÁo lần 3

BÁO lần 3      Giấy là AL

BÁO LẦN 3

Báo lần 3

Báo lần 3

BÁO LẦN 3

BÁO LẦN 3

| STT | ĐỊA CHỈ THÔN   | Thửa  |         | Thông tin bổ sung                    |                |             |                          |
|-----|----------------|-------|---------|--------------------------------------|----------------|-------------|--------------------------|
|     |                |       |         | Thông tin chủ                        | Thông tin giấy | Mã loại đất |                          |
|     |                | Số tờ | Số thửa |                                      |                |             | thông tin còn thiếu khác |
| 1   | Thôn Làng Măng | 20    | 15      | Bà Phạm Thị Tham và Ông Phạm Văn Chi | BS 612904      | LUC         | thiếu mã định danh       |

1 THỬA / 1 GIẤY

BÁO LẦN 3